

Bản án số: 39/2023/HS-ST

Ngày 27-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Đặng Văn H, sinh năm 1975, tại Hải Phòng, nơi cư trú: **Tổ A, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng**; nghề nghiệp: Công chức địa chính; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đặng Văn M** và bà **Phùng Thị H1**; có vợ là **Nguyễn Thị Minh N**, sinh năm 1987 và 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra đối với vụ án hình sự khởi tố số 63 ngày 30/10/2021 và số 04 ngày 03/01/2022, về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự, xảy ra trên địa bàn **quận K, thành phố Hải Phòng**, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận K** đã phát hiện hành vi Giả mạo trong công tác của **Đặng Văn H** - công chức địa chính **phường V**, là cán bộ trực tiếp thẩm định hồ sơ đối với 02 bộ hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có:

Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 271, tờ bản đồ số 20 (303591-9-(d)) thuộc tổ dân phố Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng của bà Bùi Thị L;

Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 20 (303591-9-(d)) thuộc tổ dân phố Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng của anh Bùi Thanh T và vợ là Hoàng Thị Thanh H2.

Cụ thể như sau:

1. Đối với hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị L:

Khoảng tháng 9/2021, bà Bùi Thị L đưa toàn bộ giấy tờ liên quan thửa đất số 271, tờ bản đồ số 20 (303591-9-(d)) thuộc tổ dân phố Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng cho con trai là Lê Trung H3 để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Anh Lê Trung H3 đã nhờ Đặng Văn A là chủ của Văn phòng N4 làm mọi thủ tục từ lúc chuẩn bị hồ sơ tới khi được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền 640.000.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

Sau khi nhận tài liệu từ anh H3, Văn A liên hệ với Nguyễn Văn C để nhờ C làm toàn bộ các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Bùi Thị L. Tại Văn phòng N4, Văn A đã lấy 01 tờ Biên lai ngân sách xã, phường số 12 niên độ 1991 ngày 26/6/1991 đưa cho Nguyễn Văn C. Sau khi kiểm tra hồ sơ, Nguyễn Văn C nói: “Cần phải làm biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính, phải cho thành phần địa chính, ông D, bà H4, người giáp ranh. Riêng phần xác nhận của phường không cho tên ông Tuấn A1 - Chủ tịch phường mà phải cho ông N1 - Phó Chủ tịch phường vào biên bản”. Văn A và C đã thống nhất cho Nguyễn Thị H5 là nhân viên Văn phòng N4 soạn thảo trên máy tính của Văn phòng N4 theo nội dung Nguyễn Văn C đưa ra.

Các tài liệu như Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, Trích lục địa chính, Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, Đơn trình bày và cam kết... đều do Văn A soạn thảo dựa trên nội dung Biên bản xác minh nguồn gốc đất do Nguyễn Văn C đã chỉnh sửa để phù hợp. Sau đó, Văn A in các tài liệu trên từ máy tính, đánh dấu bút chì vào phần phải ký và đưa tài liệu cho anh Lê Trung H3 về xin chữ ký của gia đình, tổ trưởng dân phố và hai hộ giáp ranh. Các tài liệu Văn A đưa cho anh H3 đi xin chữ ký gồm có: Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất; Trích lục địa chính; Biên bản họp xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà Phạm Thị L1 ngày 23/08/2021 của Ủy ban nhân dân phường V.

Sau khi xin xong các chữ ký thì anh Lê Trung H3 chuyển lại các giấy tờ trên cho Đặng Văn A. Tuy nhiên, anh H3 chỉ xin chữ ký của ông Bùi Đức T1 và ông Đặng Văn T2 vào 02 Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (có nội dung giống nhau). Đối với Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính ngày 23/8/2021, anh H3 không đi xin chữ ký của hai hộ giáp ranh (là ông T1 và ông T2), do anh H3 không thấy có phần đánh dấu bút chì của Đặng Văn A. Sau khi

nhận lại các tài liệu từ anh H3, Đặng Văn A đã chuyển toàn bộ tài liệu trong hồ sơ của gia đình bà L cho Nguyễn Văn C để C đi làm các thủ tục còn lại.

Khoảng tháng 9/2021, Nguyễn Văn C mang hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị L đến Ủy ban nhân dân phường V đưa cho Đặng Văn H còn file tài liệu liên quan đến hồ sơ trên Công gửi qua G cho H. Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Nguyễn Văn C, Đặng Văn H thẩm định hồ sơ ban đầu và các tài liệu liên quan đến hồ sơ của bà Bùi Thị L. Tại thời điểm đó tài liệu lưu trữ của Ủy ban nhân dân phường V không có danh sách bàn giao tài liệu của xã B. Qua tra cứu hồ sơ sổ mục kê của thửa đất 271 tờ bản đồ số 20 (303591-9-(d)) ở khu dân cư Đ 2 nay là tổ dân phố Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng thì thửa đất mang tên chủ sở hữu là Phạm Thị L1 và mục đích sử dụng là đất ở. Do không có hồ sơ lưu nên theo quy định là phải tiến hành xác minh nguồn gốc và phải tổ chức họp (và lập biên bản cuộc họp) để xác minh nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất của công dân.

Việc xác lập biên bản cuộc họp này theo quy định do công chức địa chính là Đặng Văn H báo cáo, tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường thực hiện. Tuy nhiên, H đã không tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường V để tổ chức họp, không lập biên bản cuộc họp mà để đối tượng Nguyễn Văn C tự lập biên bản, Nguyễn Văn C đi xin chữ ký của những người có liên quan, việc các chữ ký có đúng do người có tên ký không thì H không biết. Sau đó Nguyễn Văn C đưa cho Đặng Văn H một Biên bản xác minh nguồn gốc đất lập hồi 10 giờ 00 ngày 23/8/2021 ở phần cuối biên bản đã có đầy đủ chữ ký của bà Bùi Thị L, ông Bùi Đức T1, ông Trần Đình D1, ông Đặng Văn T2 và bà Bùi Thị H6 để H ký vào phần người ghi biên bản. Sau khi H ký xong thì Nguyễn Văn C mang Biên bản vào phòng ông Bùi Đức N2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V. Ông Bùi Đức N2 ký xong Nguyễn Văn C mang Biên bản trên đưa lại cho Đặng Văn H.

Ngoài tài liệu Biên bản xác minh nguồn gốc sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà Phạm Thị L1 ngày 23/8/2021, các tài liệu còn lại như: Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 06/9/2021, Biên bản về việc kết thúc công khai danh sách ngày 23/9/2021, Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, trích lục địa chính, Giấy xác nhận về nguồn gốc, diễn biến quá trình quản lý và sử dụng đất ngày 29/9/2021 của Ủy ban nhân dân phường V đều có sẵn trong hồ sơ do Nguyễn Văn C mang đến cho Đặng Văn H. Đặng Văn H kiểm tra rồi ký vào các tài liệu và có tiến hành niêm yết Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường V.

Sau khi hết thời hạn niêm yết, Đặng Văn H trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V là ông Trần Tuấn A2 ký duyệt rồi H gọi Nguyễn Văn C đến lấy hồ sơ. Nguyễn Văn C mang các tài liệu xuống văn thư Ủy ban nhân dân phường V đóng dấu rồi mang lên bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân quận K nộp, chị Hoàng Phương T3 - cán bộ bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân quận là người nhận hồ sơ. Sau khi hồ sơ chuyển vào Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K thì Hoàng Minh C1 là cán bộ thẩm định hồ sơ. Hồ sơ sau đó được Hoàng Minh C1 hoàn thiện

rồi trình ông Dương Việt H7 - là Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K ký duyệt hồ sơ. Hoàng Minh C1 xin cấp phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường quận K để làm Tờ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận C3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hồ sơ đang trong giai đoạn hoàn thiện Tờ trình thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K phát hiện có sai phạm và thu giữ để điều tra xác minh.

2. Đối với hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Thanh T và vợ là Hoàng Thị Thanh H2

Năm 2006, chị Hoàng Thị Thanh H2 cùng chồng là Bùi Thanh T được bố mẹ của anh T là bà Đặng Thị T4 và ông Bùi Trung Đ tặng cho thửa đất số 262, tờ bản đồ số 20 (303591-9-(d)) thuộc tổ dân phố Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Việc tặng cho không có giấy tờ hợp đồng mà cho bằng miệng. Đến tháng 01/2021, chị H2 và anh T có nhu cầu làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị H2 đã nhờ Văn phòng N4 của Đặng Văn A làm dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) đồng thời chuyển cho Đặng Văn A 02 (hai) tờ Phiếu thu năm 1994 (phiếu thu không có dấu đỏ xác nhận, chỉ có chữ ký của người nộp tiền là bà Đặng Thị T4 và chữ ký người thu tiền nhưng không ghi họ tên), 01 trích đo và giấy tờ tùy thân của vợ chồng chị H2 và bố mẹ chồng chị H2.

Sau đó, Đặng Văn A nhờ Bùi Đức T5 làm dịch vụ cho hồ sơ này với giá 150.000.000 đồng. Đặng Văn A đã đưa tiền cùng toàn bộ tài liệu nhà chị H2 cho Bùi Đức T5 để hoàn thiện hồ sơ. Hồ sơ này các giấy tờ, thủ tục đều do T5 làm. Quá trình làm hồ sơ, T5 đã mua 01 Phiếu thu ngân sách xã số 55 ngày 29/10/1992 của Ủy ban nhân dân xã B ghi người nộp Đặng Thị T4 của Đặng Hồng V nguyên là kế toán ngân sách Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K giai đoạn 1986 - 1994 với giá 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và nhờ bà Bùi Thị A3, nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V giai đoạn 2004 - 2015 ký xác nhận vào “Giấy tặng cho đất ở” ghi ngày 20/5/2006 đã được viết sẵn các nội dung thể hiện bố mẹ chồng chị H2 tặng cho đất cho vợ chồng chị H2, có chữ ký của các bên, phần mặt sau đã được Bùi Bá T6 nguyên là cán bộ đô thị môi trường của Ủy ban nhân dân phường V giai đoạn 1994 - 2008 ghi nội dung xác nhận “UBND phường Văn Đẩu ... TM UBND phường”. Khi có 02 (hai) tài liệu giả trên, T5 đưa vào hồ sơ T - H2 để hợp thức hóa hồ sơ.

Quá trình làm hồ sơ, Bùi Đức T5 đã mang USB đến văn phòng N4 để in tài liệu. Đặng Văn A nhờ Nguyễn Thị H5 là nhân viên của Văn phòng ghi thông tin hỗ trợ cho T5 vào Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tờ khai thuế. Sau đó Đặng Văn A gọi cho chị H2 đến văn phòng nhà đất Hùng A4 lấy tài liệu về cho gia đình ký. Khi nhận lại tài liệu từ chị H2, Đặng Văn A đã chuyển cho T5. Khoảng vài tháng sau, do không thấy T5 liên lạc nên Đặng Văn A đã đến nhà T5 để tìm thì được biết là T5 đã đi trốn nợ. Do vậy, Đặng Văn A nhờ Bùi Đức T7, là em trai của Bùi Đức T5 hoàn thiện hồ sơ cho nhà chị H2 với giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Cuối năm 2020, **Đặng Văn H** nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh **Bùi Thanh T** vợ là **Hoàng Thị Thanh H2** từ **Bùi Đức T7** không thông qua bộ phận một cửa. Hồ sơ khi nhận đã có đầy đủ thành phần các tài liệu có trong hồ sơ. Đối với biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 09/9/2020, **Đặng Văn H** ký vào biên bản, sau đó đưa cho ông **Bùi Đức N2** ký. Ông **N2** không hỏi hồ sơ và **H** cũng không đưa hồ sơ cho ông **N2**. Ông **N2** không có chỉ đạo gì, ký xong ông **N2** chuyển lại cho **H**.

Các tài liệu còn lại như: Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 09/9/2020; Biên bản về việc kết thúc công khai danh sách kết quả kiểm tra các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 23/9/2020; Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 23/9/2020; Giấy xác nhận về nguồn gốc, diễn biến quá trình quản lý và sử dụng đất của Ủy ban nhân dân phường **V** ngày 24/9/2020. **Đặng Văn H** kiểm tra rồi ký vào các tài liệu và tiến hành niêm yết Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường **V**. Sau đó, **Đặng Văn H** trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là ông **Trần Tuấn A2** ký duyệt toàn bộ hồ sơ. Sau khi ông **Tuấn A2** ký xong, **H** đi đóng dấu vào các tài liệu rồi chuyển lại hồ sơ cho **Bùi Đức T7**. **Văn A** nhận hồ sơ từ **Bùi Đức T7** rồi tiếp tục nhờ **Nguyễn Văn C** làm phần việc còn lại cho hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà chị **H2**. Nguyễn Văn Công nhận hồ sơ từ **Văn A** và nộp tại bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân quận **K**.

Sau khi hồ sơ chuyển vào Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận **K** thì **Hoàng Minh C1** là cán bộ thẩm định hồ sơ. Hồ sơ sau đó được **Hoàng Minh C1** hoàn thiện rồi trình ông **Dương Việt H7** - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận **K** ký duyệt hồ sơ. Chương xin cấp phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường quận **K** để làm Tờ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận **C3** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông **Hoàng Văn Bình n** Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường ký Tờ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận **K** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, gia đình chị **H2** đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ tại phòng làm việc của **Đặng Văn H** tại Ủy ban nhân dân phường **V** (một) cây máy tính màu đen nhãn hiệu HP, số Serial No: 6CR3470T1R đã qua sử dụng, là tài sản cá nhân của **Đặng Văn H**.

3. Kết quả giám định

3.1. Tại Kết luận giám định số 473/KLGD ngày 09/12/2021 của Phòng **K** - Công an thành phố **H** kết luận về việc phục hồi dữ liệu đối với cây máy tính của **Đặng Văn H**:

Qua kiểm tra đối soát tài liệu trong tập tin gửi kèm Kết luận giám định của Phòng **K** - Công an thành phố **H**, xác định có các tài liệu sau trong cây máy tính

của **Đặng Văn H** liên quan đến hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **Bùi Thị L**:

+ Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1** (nay đã chuyển nhượng cho bà **Bùi Thị L** chồng là ông **Lê Văn T8**). Địa chỉ: **Tổ dân phố Đ, phường V** (04 trang A4);

+ Đơn trình bày và cam kết ghi ngày 15 tháng 7 năm 2021 của bà **Bùi Thị L** (02 trang A4).

3.2. Tại Kết luận Giám định số 194/KLGD-PC09 ngày 03/11/2021 của **Phòng K - Công an thành phố H** kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết mang tên **Trần D1** tại mục “Người thu tiền” trên tài liệu cần giám định (là Biên lai ngân sách xã phường); chữ ký, chữ viết mang tên **Trần Đình D1** tại mục “THÀNH PHẦN THAM GIA” trên tài liệu cần giám định (là Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1** ghi ngày 23/8/2021) so với chữ ký, chữ viết mang tên **Trần Đình D1** trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ viết trên tài cần giám định (là Biên lai ngân sách xã phường) từ dòng chữ viết có nội dung “**Phạm Thị L1**...” đến dòng chữ viết “**Bắc Hà** ngày 26 tháng 6 năm 1991”; chữ viết trên tài liệu cần giám định (là Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất làm nhà ở mang tên **Phạm Thị L1** cùng chồng **Đỗ Văn N3**, ghi ngày 12/9/2001) trừ chữ viết tại mục “**Bên nhận chuyển nhượng**”; “**Bên chuyển nhượng**”; chữ viết trên tài liệu cần giám định (là Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1** ghi ngày 23/8/2021) từ dòng chữ viết có nội dung “**Tôi là Phạm Thị L1**...” đến “**Biên bản cuộc họp là đúng**” so với chữ viết mang tên **Nguyễn Thị H5** trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

3.3. Tại Kết luận giám định số 25/KLGD-PC09 ngày 16/3/2022 của **Phòng K - Công an thành phố H** kết luận:

- Chữ ký, chữ viết mang tên **Bùi Thị L** trên tài liệu cần giám định (là Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1** ghi ngày 23/8/2021 so với chữ ký, chữ viết mang tên **Bùi Thị L** trên tài liệu mẫu so sánh không đủ cơ sở kết luận.

- Chữ ký, chữ viết mang tên **Bùi Đức T1** trên tài liệu cần giám định (là Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1** ghi ngày 23/8/2021) so với chữ ký, chữ viết mang tên **Bùi Đức T1** trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên **Đặng Văn T2** trên tài liệu cần giám định (là Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1** ghi ngày 23/8/2021) so với chữ ký, chữ viết mang tên **Đặng Văn T2** trên tài liệu mẫu so sánh không đủ cơ sở kết luận.

- Chữ ký, chữ viết mang tên **Đỗ Văn N3** trên tài liệu cần giám định (Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1** ghi ngày 23/8/2021 và Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất làm nhà ở mang tên

Phạm Thị L1 cùng chồng là Đỗ Văn N3 ghi ngày 12/9/2001) so với chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Văn N3 trên tài liệu mẫu so sánh (là chữ ký, chữ viết do bị can Đặng Văn A ký và viết ra) do cùng một người ký và viết ra.

3.4. Tại Kết luận giám định số 43/KLGD-PC09 ngày 28/3/2022 của Phòng K - Công an thành phố H kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG VĂN ĐÀU Q KIẾN AN TP HẢI PHÒNG” trên tài liệu cần giám định (là Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà Phạm Thị L1 ngày 23/8/2021) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh (tại các công văn của Ủy ban nhân dân phường V, Biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân phường V) là do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Phó Chủ tịch Bùi Đức N2 trên tài liệu cần giám định (là Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà Phạm Thị L1 ngày 23/8/2021) so với chữ ký mang tên Bùi Đức N2 trên tài liệu mẫu so sánh (là Biên bản nhận dạng có sự tham gia của ông Bùi Đức N2) là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu chức danh có nội dung “KT.CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH Bùi Đức N2” trên tài liệu cần giám định (là Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà Phạm Thị L1 ngày 23/8/2021) so với hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (là Biên bản lấy mẫu dấu chức danh ông Bùi Đức N2) là do cùng một con dấu đóng ra.

3.5. Tại Kết luận giám định số 50/KL-KTHS(TL) ngày 26/4/2022 của Phòng K – Công an thành phố H kết luận:

- Chữ viết, chữ ký mang tên Đặng Văn H trên các tài liệu cần giám định gồm có:

+ Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Bùi Thị L ghi ngày 15/7/2021;

+ Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa của bà Bùi Thị L ghi ngày 23/9/2021;

+ Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà Phạm Thị L1 (nay đã chuyển nhượng cho bà Bùi Thị L chồng là ông Lê Văn T8) ghi ngày 23/8/2021;

+ Biên bản “V/v kết thúc công khai danh sách trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Bùi Thị L ngày 06/9/2021”;

+ Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Bùi Thanh T, Hoàng Thị Thanh H2 ghi ngày 06/9/2020;

+ Biên bản v/v kết thúc công khai danh sách kết quả kiểm tra các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất ngày 09/9/2020 do Ủy ban nhân dân phường V lập ngày 23/9/2020;

+ Trích lục mảnh trích đo địa chính (của hồ sơ T – Huyện);

+ Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính khi được xã B cấp đất của bà Đặng Thị T4 (nay đã tặng cho con là ông Bùi Thanh T vợ là Hoàng Thị Thanh H2) ghi ngày 09/9/2020;

+ Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa của ông Bùi Thanh T vợ là bà Hoàng Thị Thanh H2 ghi ngày 23/9/2020;

So với chữ ký, chữ viết của người mang tên Đặng Văn H trên các tài liệu mẫu so sánh (là 03 Bản tự khai ghi các ngày 05/12/2020, 31/12/2021, 06/01/2022 của bị can Đặng Văn H) là do cùng một người ký, viết ra.

3.6. Tại Kết luận giám định số 63/KL-KTHS(TL) ngày 17/5/2022 của Phòng K – Công an thành phố H kết luận:

Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG VĂN ĐÀU Q KIẾN AN TP HẢI PHÒNG” trên các tài liệu cần giám định là Đơn xin chuyển nhượng đất ở mang tên Lê Văn T8 cùng vợ là Bùi Thị L ghi ngày 28/6/2004, có xác nhận ghi ngày 29/6/2004 của Ủy ban nhân dân phường V và Giấy tặng cho đất ở mang tên Đặng Thị T4 cùng chồng là Bùi Trung Đ ghi ngày 20/5/2006, có xác nhận ghi ngày 22/5/2006 của Ủy ban nhân dân phường V so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh (là các tài liệu có dấu tròn “U.B.N.D PHƯỜNG VĂN ĐÀU Q KIẾN AN TP HẢI PHÒNG” của các năm 2006, 2007, 2019, 2020, 2021) là do cùng một con dấu đóng ra.

Quá trình điều tra, Đặng Văn H khai nhận như sau: Đặng Văn H được phân công về làm việc tại Ủy ban nhân dân phường V từ tháng 4/2020 với nhiệm vụ chính là phụ trách lĩnh vực đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên môi trường; Chủ trì phối hợp với công chức khác thực hiện thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ và thẩm tra để xác minh nguồn gốc, hiện trạng đăng ký sử dụng đất đai, tình trạng tranh chấp đất đai và biến động đất đai trên địa bàn; Xây dựng các hồ sơ, văn bản về đất đai. Đối với hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Bùi Thị L và gia đình ông Bùi Thanh T, bà Hoàng Thị Thanh H2 khi H tiếp nhận đã có đầy đủ các tài liệu trong hồ sơ. H chỉ ký và ký nháy vào các tài liệu rồi tiến hành niêm yết danh sách công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường. Riêng đối với hồ sơ nhà bà Bùi Thị L, Nguyễn Văn C đã gửi các tài liệu liên quan đến G cho H để H kiểm tra, chỉnh sửa tại cơ quan. Sau khi chỉnh sửa xong, H đưa cho C và bảo C đi xin chữ ký của những người có liên quan. Ngoài ra, H có kiểm tra trên sổ mục kê bản đồ kỹ thuật và kiểm tra thực tế thửa đất để xem tính xác thực của các tài liệu rồi trình lãnh đạo ký. Do nể nang, ngại va chạm với các đối tượng làm dịch vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên H đã ký vào tài liệu trong hồ sơ do các đối tượng mang đến. Với nhiệm vụ của cán bộ địa chính, Đặng Văn H phải là người thực hiện việc xác minh, kiểm tra tại hồ sơ địa chính lưu trữ, lấy ý kiến khu dân cư, những hộ giáp ranh để xác định về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thửa đất có tranh chấp và phù hợp với quy hoạch không, lập trích đo

thừa đất... theo quy định tại Điều 70 Nghị định 43/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 đối với thửa đất số 262 và số 271 tờ bản đồ số 20 (303591-9-d) thuộc **tổ dân phố Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng** nhưng **H** đã không làm đúng quy định như nhận hồ sơ, tài liệu từ những người không có chức trách, nhiệm vụ, không nhận hồ sơ qua bộ phận một cửa, riêng hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà bà **Bùi Thị L**, **H** đã trực tiếp nhận hồ sơ cùng file tài liệu qua **G** do những người không phải là cán bộ của **Ủy ban nhân dân phường V**, không có chức trách nhiệm vụ gì lập và gửi cho **H**. Trong đó: “Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1** ngày 23/08/2021” và “Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính khi được **xã B** cấp đất của bà **Đặng Thị T4** (nay đã tặng cho con là **Bùi Thanh T** vợ là **Hoàng Thị Thanh H2**) ngày 09/9/2020” được xác định là tài liệu giả (do các đối tượng không phải là cán bộ Ủy ban nhân dân phường lập và mang đến cũng như gửi trước file tài liệu nêu trên cho **H** qua địa chỉ email để **H** xem trước và chỉnh sửa nội dung trước khi ký). **Đặng Văn H** không thực hiện việc tổ chức cuộc họp xác minh mà chỉ ký vào Biên bản với tư cách là “Người ghi biên bản”.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 18/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận K** đã ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, **Đặng Văn H** khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS của Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng truy tố **Đặng Văn H** về tội “Giả mạo trong công tác” theo điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự. Đối với các cán bộ, công chức có liên quan còn lại gồm có: **Bùi Đức N2** - nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V; **Trần Tuấn A2** - nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V; **Hoàng Minh C1** - nguyên cán bộ hợp đồng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K; **Dương Việt H7** - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K; **Hoàng Văn B** - nguyên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận K. Trong quá trình thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công dân, các cán bộ này có hành vi thiếu trách nhiệm nhưng chưa xác định được hậu quả thiệt hại. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận K** đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, thu thập chứng cứ, xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo **Đặng Văn H** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên bị cáo cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi làm giả tài liệu. Bị cáo thừa nhận bị cáo không tham mưu cho lãnh đạo **Ủy ban nhân dân phường V** tổ chức cuộc họp, không tiến hành họp mà chỉ ký vào các biên bản nêu trên tại mục người ghi biên bản, cụ thể: Đối với “Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1** ngày 23/08/2021”, **Đặng Văn H** đã không tham mưu cho lãnh đạo tổ chức họp và không lập biên bản cuộc họp mà để

đối tượng Nguyễn Văn C tự lập biên bản và C đi xin chữ ký của những người có liên quan, việc các chữ ký có đúng do người có tên ký không thì H không biết. Sau đó Nguyễn Văn C mang cho H một biên bản xác minh nguồn gốc đất lập hồi 10 giờ 00 ngày 23/8/2021 ở phần cuối biên bản đã có đầy đủ chữ ký ghi tên bà Bùi Thị L, ông Bùi Đức T1, ông Trần Đình D1, ông Đặng Văn T2 và bà Bùi Thị H6 để H ký vào phần người ghi biên bản. Sau khi H ký xong thì C mang Biên bản vào phòng ông Bùi Đức N2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V ký. Ông N2 ký xong C mang Biên bản trên đưa lại cho H. Trước khi nhận hồ sơ do Nguyễn Văn C mang đến, Đặng Văn H được ông Bùi Văn C2, nguyên là lãnh đạo phường V gọi điện thoại nhờ giúp đỡ trong việc hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của bà Bùi Thị L, do nể nang ông C2 nguyên là lãnh đạo cũ của phường V nên ông đã nhận hồ sơ, ký các giấy tờ trong hồ sơ do Nguyễn Văn C chuyển đến mà không yêu cầu C có giấy ủy quyền hoặc giấy tờ gì liên quan đến thửa đất của bà Bùi Thị L.

Đối với “Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính khi được xã B cấp đất của bà Đặng Thị T4 (nay đã tặng cho con là ông Bùi Thanh T vợ là bà Hoàng Thị Thanh H2) ngày 09/9/2020”, vào khoảng cuối năm 2020, Đặng Văn H nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Thanh T vợ là Hoàng Thị Thanh H2 từ Bùi Đức T7 không thông qua bộ phận một cửa. Hồ sơ khi nhận đã có đầy đủ thành phần các tài liệu có trong hồ sơ. Đối với biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 09/9/2020, Đặng Văn H không tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường V tổ chức cuộc họp, không tiến hành họp mà chỉ ký vào biên bản dưới mục người ghi biên bản, sau đó đưa cho ông Bùi Đức N2 ký. Ông N2 không hỏi hồ sơ và H cũng không đưa hồ sơ cho ông N2. Ông N2 không có chỉ đạo gì, ký xong ông N2 chuyển lại cho H. Trước khi nhận hồ sơ do Bùi Đức T7 mang đến, Đặng Văn H được ông Đặng Văn D2, nguyên là lãnh đạo phường V gọi điện thoại nhờ giúp đỡ trong việc hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của vợ chồng chị H2, anh T, do nể nang ông D2 nguyên là lãnh đạo cũ của phường V nên ông đã nhận hồ sơ, ký các giấy tờ trong hồ sơ do Bùi Đức T7 chuyển đến mà không yêu cầu T7 có giấy ủy quyền hoặc giấy tờ gì liên quan đến thửa đất của nhà H2, T. Do vậy, Đặng Văn H cho rằng hành vi của bị cáo chỉ vi phạm hành chính, H không làm giả tài liệu do đó không phạm tội “Giả mạo trong công tác” như Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đặng Văn H về tội Giả mạo trong công tác và đề nghị: Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 359, khoản 5 Điều 359, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đặng Văn H từ 42 đến 48 tháng tù; phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 10.000.000đ đến 20.000.000đ. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 01 cây máy tính HP đã qua sử dụng. Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đồng thời đại diện

Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An vẫn giữ nguyên Quyết định tách hành vi của các đối tượng **Bùi Đức N2**, **Trần Tuấn A2**, **Hoàng Minh C1**, **Dương Việt H7**, **Hoàng Văn B** và tài liệu liên quan đến vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, thu thập chứng cứ, xử lý sau.

Bị cáo **Đặng Văn H** cho rằng hành vi của bị cáo chỉ là vi phạm hành chính, bị cáo không có hành vi làm giả tài liệu, bị cáo không phạm tội “Giả mạo trong công tác”. Tuy nhiên bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận K**, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, Kiểm sát viên thu thập, do người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác thu thập, cung cấp đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại do đó các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo **Đặng Văn H** tại Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận K** và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: **Đặng Văn H** là cán bộ địa chính, không thực hiện việc tổ chức cuộc họp xác minh mà ký vào “Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1** ngày 23/08/2021” và “Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính khi được **xã B** cấp đất của bà **Đặng Thị T4** (nay đã tặng cho con là **Bùi Thanh T** vợ là **Hoàng Thị Thanh H2**) ngày 09/9/2020” đồng thời đưa các biên bản nêu trên để sử dụng trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cả hai biên bản nêu trên được xác định là tài liệu giả. Như vậy, hành vi của **Đặng Văn H** đã vi phạm Điều 359 Bộ luật Hình sự, phạm tội “Giả mạo trong công tác”. Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã truy tố **Đặng Văn H** về tội danh theo điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Khi thực hiện hành vi phạm tội, **Đặng Văn H** là công chức địa chính, theo quy định của pháp luật, **H** là người có trách nhiệm lập, tham mưu, đề xuất cấp các giấy tờ tài liệu liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn **phường V**. Như vậy bị cáo đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều

359 Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo **Đặng Văn H** phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng. Vì nề nang, vì động cơ cá nhân, **Đặng Văn H** đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là công chức địa chính, đã làm tài liệu giả là “Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1** ngày 23/08/2021” và “Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính khi được **xã B** cấp đất của bà **Đặng Thị T4** (nay đã tặng cho con là **Bùi Thanh T** vợ là **Hoàng Thị Thanh H2**) ngày 09/9/2020”. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan nhà nước, gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy, pháp luật yêu cầu phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Khoảng cuối năm 2020 **Đặng Văn H** đã làm giả Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính khi được **xã B** cấp đất của bà **Đặng Thị T4** ngày 09/9/2020; đến cuối năm 2021, **Đặng Văn H** tiếp tục làm giả Biên bản xác minh nguồn gốc đất sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của bà **Phạm Thị L1**, ghi ngày 23/8/2021. Như vậy, **Đặng Văn H** đã 02 lần thực hiện hành vi làm giả tài liệu, vi phạm tình tiết “phạm tội từ 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Đặng Văn H** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Đặng Văn H** có mẹ đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, do vậy Hội đồng xét xử đã thận trọng xem xét cho bị cáo **H** được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về điều luật áp dụng và hình phạt: Việc áp dụng điểm b khoản 2 Điều 359, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo **Đặng Văn H** về tội “Giả mạo trong công tác” với mức án nghiêm khắc và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Cần áp dụng khoản 5 Điều 359, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự, phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo để thể hiện rõ sự nghiêm minh của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là 01 cây máy tính HP màu đen đã qua sử dụng, đây là công cụ **H** sử dụng để làm giả tài liệu do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[10] Đối với các đối tượng **Đặng Văn A**, **Nguyễn Văn C**, **Nguyễn Thị H5**, **Trần Đình D1** có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức đã bị Tòa án nhân dân quận Kiến An xét xử tại Bản án số 26/2022/HS-ST ngày 09/6/2022.

[11] Đối với các đối tượng **Bùi Đức T5**, **Đặng Hồng V**, **Bùi Thị A3**, **Bùi Bá T6** có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức đã bị Tòa án nhân dân quận Kiến An xét xử tại Bản án số 31/2022/HS-ST ngày 28/7/2022.

[12] Trong vụ án này còn có **Bùi Đức N2** - nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V; **Trần Tuấn A2** - nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V; **Hoàng Minh C1** - nguyên cán bộ hợp đồng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K; **Dương Việt H7** - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K; **Hoàng Văn B** - nguyên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận K và một số đối tượng khác liên quan, tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện các đối tượng này có đối tượng có hành vi giả mạo trong công tác, có đối tượng có hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K và Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã tách tài liệu và hành vi liên quan đến vụ án hình sự của các đối tượng nêu trên để tiếp tục điều tra, thu thập chứng cứ, xử lý sau theo bản Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 17/5/2023. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố cũng như Quyết định tách hành vi của các đối tượng **Dương Việt H7**, **Hoàng Minh C1**, **Trần Tuấn A2**, **Bùi Đức N2**, **Hoàng Văn B** và tài liệu, chứng cứ để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau. Tuy nhiên, để đảm bảo sự ổn định dư luận xã hội, ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, đảm bảo sự công bằng của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước và của công dân, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải tiếp tục kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An nhanh chóng điều tra, đưa ra kết luận rõ ràng về hành vi vi phạm của các đối tượng như **Dương Việt H7**, **Hoàng Minh C1**, **Trần Tuấn A2**, **Bùi Đức N2**, **Hoàng Văn B** và các đối tượng khác để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[13] Về án phí: Bị cáo **Đặng Văn H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 359, khoản 5 Điều 359, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **Đặng Văn H** 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Giả mạo trong công tác”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với **Đặng Văn H** số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 cây máy tính hiệu HP đã qua sử dụng, theo Biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Đặng Văn H** phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo **Đặng Văn H** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận K** và **Viện Kiểm sát nhân dân quận K** nhanh chóng điều tra, đưa ra kết luận rõ ràng về hành vi vi phạm của các đối tượng như **Dương Việt H7**, **Hoàng Minh C1**, **Trần Tuấn A2**, **Bùi Đức N2**, **Hoàng Văn B** và các đối tượng khác trong vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo sự công bằng của pháp luật cũng như giữ ổn định dư luận xã hội trên địa bàn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận Kiến An;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- CQCSĐT-Công an quận Kiến An;
- CQTHAHS-Công an quận Kiến An;
- PV06; PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Kiến An;

- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thông